

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST

Ngày: 10-11-2020

V/v “*Tranh chấp HĐ mua bán*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Lành

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Trang

2. Ông Võ Thành Trung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thủy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2020/TLST-DS ngày 06/10/2020 về việc “*Tranh chấp HĐ mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thủy Tây, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Công C, sinh năm 1980 và bà Phùng Thị U, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp Bến Kè, xã Thủy Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

*(Bà B, bà U có mặt. Ông C vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:* Từ năm 2011 đến năm 2017, vợ chồng ông Lê Công C và bà Phùng Thị U mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của bà B. Đến tháng 02/2017, sau khi hai bên chốt nợ, ông C và bà U còn thiếu

bà B số tiền 103.560.000 đồng, có chữ ký xác nhận của bà U trong sổ bán hàng và ghi nhận nợ của cửa hàng bà B. Đến tháng 02/2018, ông C và bà U trả được 8.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 95.560.000 đồng tiền gốc.

Về lãi, sau khi chốt nợ vào tháng 02/2017, do không trả được nợ gốc, các bên thống nhất tiền lãi ông C, bà U phải trả cho bà B là 1,5%/tháng. Đến tháng 02/2018, Ông C, bà U trả được 20.000.000 đồng tiền lãi và 8.000.000 đồng tiền gốc thì ngưng không trả nữa. Vào ngày 28/11/2019, bà B có văn bản thông báo yêu cầu ông C và bà U thanh toán số tiền nợ gốc và lãi. Bà Phùng Thị U có hứa trả nợ nhưng sau đó không thực hiện.

Nay bà Nguyễn Thị Bé B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C và bà U có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 95.560.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/11/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất quy định của nhà nước.

Bị đơn Lê Công C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa và tại bản tự khai ngày 08/10/2020 của bà Phùng Thị U, bà U thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng bà B và hiện còn nợ 95.560.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Hai bên có thỏa thuận lãi 1,5%/tháng kể từ ngày chốt nợ và bà U, ông C đã trả được 20.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà U đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà B nhưng xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Biên nhận nợ, Thông báo trả tiền, bản tự khai.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai của bà Phùng Thị U.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lê Công C, Phùng Thị U cư trú tại huyện Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B yêu cầu ông Lê Công C và bà Phùng Thị U trả số tiền 95.560.000 đồng tiền nợ vật tư nông nghiệp. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận nợ do ông C ký tên, văn bản hẹn trả nợ do bà Phùng Thị U ký nhận. Tại bản tự khai ngày 08/10/2020, bà U thừa nhận số nợ và đồng ý trả

theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 95.560.000 nợ gốc là có căn cứ.

[3] Về lãi: Bà Nguyễn Thị Bé B yêu cầu ông C, bà U trả tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày xét xử. Xét thấy, hai bên chốt nợ vào tháng 02/2017, tại phiên tòa bà U và bà B cùng thống nhất, các bên đã thỏa thuận lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng từ tháng 02/2017. Bà U, ông C đã trả được 20.000.000 đồng tiền lãi tính đến tháng 2/2018. Việc các bên thỏa thuận lãi 1,5%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Bé B không yêu cầu ông C, bà U trả lãi từ tháng 2/2018 mà chỉ yêu cầu tính lãi từ 28/11/2019 (ngày bà B có văn bản yêu cầu ông C, bà U trả nợ gốc) là có lợi cho bị đơn. Do các bên thỏa thuận với nhau về việc trả lãi chậm trả là 1,5% nên áp dụng khoản 1, điều 357 Bộ luật Dân sự tính lãi như sau:

[4] Lãi của 95.560.000 đồng kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày xét xử là 11 tháng 12 ngày:  $95.560.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} \times 1,5\%/\text{tháng} = 16.340.760 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả gốc và lãi là 111.900.760 đồng.

[5] Bị đơn Phùng Thị U xin được trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do khoản nợ bị đơn nợ nguyên đơn không có thỏa thuận về thời gian trả nên nguyên đơn phải có trách nhiệm trả tiền khi nhận hàng. Việc trả chậm không được nguyên đơn đồng ý nên yêu cầu xin trả dần của bị đơn Phùng Thị U không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn, ông Lê Công C và bà Phùng Thị U phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Bé B. Nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B không phải chịu án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Bé B.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 440, 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc ông Lê Công C và bà Phùng Thị U phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé B 111.900.760 đồng (Một trăm mười một triệu chín trăm ngàn B trăm sáu

chục đồng) trong đó 95.560.000 đồng tiền gốc và 16.340.760 đồng tiền lãi xuất phát từ hợp đồng mua bán tài sản.

Trong trường hợp người phải thi hành án chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Lê Công C và bà Phùng Thị Ucó nghĩa vụ nộp 5.595.000 đồng án phí DSST sung công quỹ nhà nước. Nguyễn Thị B không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho tiền tạm ứng án phí 2.389.000 đồng tại lai thu số 0003469 ngày 06/10/2020 cho bà Nguyễn Thị Bé B.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

